TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:80/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21/07/2026
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Thanh Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Văn Truyện

Ông Đặng Nam Hưng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Mai Ly – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý: 303/2026/TLST-HNGĐ ngày 29/04/2026 về việc "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1027/2026/QĐXX-ST ngày 18 tháng 06 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 1030/QĐST-HNGĐ ngày 03/07/2026 giữa các đương sự**:**

**** Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Yến N, sinh năm: 2001. Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Trị. Có mặt

**** Bị đơn:*** Ông Phan Văn H, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Tổ C, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/03/2026, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Yến N trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Phan Văn H có đăng ký kết hôn vào ngày 09/06/2023 theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 45/2023 tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (cũ). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, được một thời gian thì giữa chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, tính tình không hợp nhau, hai người có quá nhiều khác biệt trong cách sống, quan điểm sống, dẫn đến việc phát sinh nhiều mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng. Hiện tôi và anh Phan Văn H đã không còn chung sống với nhau, tôi về nhà bố mẹ ruột tại tỉnh Quảng Trị sống, còn anh H sống tại Đà Nẵng không còn quan tâm lẫn nhau.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng hiện không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng cũng đã không còn sống chung với nhau nữa. Vì vậy, tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phan Văn H.

- Về quan hệ con chung: Tôi và anh Phan Văn H có 02 (hai) con chung gồm:

1. Cháu Phan Văn Minh Q, sinh ngày 21/03/2022.

2. Cháu Phan Văn Minh Q1, sinh ngày 22/12/2024

Ly hôn, tôi (N) có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Phan Văn Minh Q1, còn anh Phan Văn H trực tiếp nuôi con Phan Văn Minh Q. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phan Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản ghi ý kiến gửi Tòa án.***

***** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Yến N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng**:**

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, bị đơn ông Phan Văn H có nơi cư trú tại địa chỉ: Tổ C, phường H, thành phố Đà Nẵng. Do vậy, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật tố Tụng dân sự 2025.

Bị đơn ông Phan Văn H đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Yến N và ông Phan Văn H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H (nay là phường H), thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Căn cứ vào lời khai của bà Nguyễn Yến N trong quá trình giải quyết vụ án thì thấy rằng giữa bà Nguyễn Yến N và ông Phan Văn H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung, ông H cá độ đá bóng dẫn đến nợ nần. Hiện hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 11/2024, không ai còn quan tâm đến ai. Nhận

thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông H thực sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Mặt khác, ông Phan Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do thể hiện ông H cũng không thực sự mong muốn hàn gắn, níu kéo cuộc hôn nhân này. Do đó, Hội đồng xét xử, xét thấy cần áp dụng các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Yến N đối với ông Phan Văn H là có căn cứ.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Yến N xác định giữa bà N và ông H có 02 người con chung gồm:

1. Cháu Phan Văn Minh Q, sinh ngày 21/03/2022.

2. Cháu Phan Văn Minh Q1, sinh ngày 22/12/2024

Ly hôn, bà N có yêu cầu được trực tiếp nuôi con Phan Văn Minh Q1 và ông Phan Văn H trực tiếp nuôi con Phan Văn Minh Q. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo như trình bày của bà N, kể từ khi giữa bà N và ông H không còn chung sống với nhau từ tháng 11/2024 thì bà N đưa con Phan Văn Minh Q1 về sống tại nhà bố mẹ ruột tại Quảng Trị, còn cháu Phan Văn Minh Q ở cùng ông H tại nhà bố mẹ ruột ông H tại Đà Nẵng. Hiện các con do các bên chăm sóc đều ăn học đã ổn định, tránh làm xáo trộn cuộc sống của các con. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà Nguyễn Yến N.

Bà Nguyễn Yến N không yêu cầu ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự thực hiện theo đúng quy định pháp luật khi ly hôn.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Yến N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* bà Nguyễn Yến N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Tuân hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Yến N đối với bị đơn ông Phan Văn H về việc *"Ly hôn"*.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Yến N được ly hôn ông Phan Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Yến N xác định giữa bà N và ông H có 02 người con chung gồm:

- Cháu Phan Văn Minh Q, sinh ngày 21/03/2022.

- Cháu Phan Văn Minh Q1, sinh ngày 22/12/2024

Ly hôn, giao con Phan Văn Minh Q1, sinh ngày 22/12/2024 cho bà Nguyễn Yến N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con Phan Văn Minh Q, sinh ngày 21/03/2022 cho ông Phan Văn

H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các đương sự thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Yến N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* bà Nguyễn Yến N phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà N đã nộp tại biên lai thu số 0004412 ngày 28/04/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

5. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND khu vực 4 – Đà Nẵng;*
- *THADS dân sự thành phố Đà Nẵng;*
- *UBND phường H, TP Đà Nẵng, (Số ĐKKH: 45 ngày 09/06/2023);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Phúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Thủy Lê Thị Hồng Trương Thanh P

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND khu vực 4 – Đà Nẵng;*
- *THADS dân sự thành phố Đà Nẵng;*
- *UBND xã Hoà Vang, TP Đà Nẵng, (Số ĐKKH: 97 ngày 14/07/2011);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Phúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Thủy **Lê Thị Hồng** **Trương Thanh Phúc**